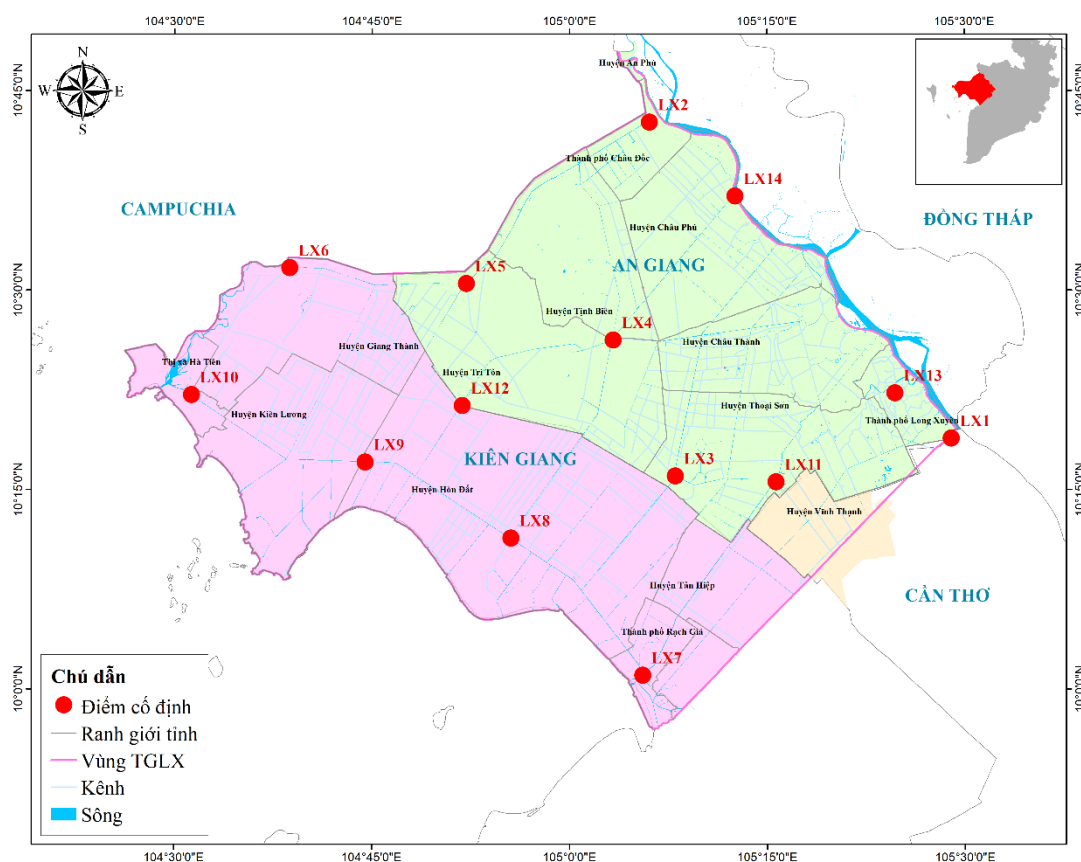


BẢN TIN TUẦN KỲ 15

“Đợt đo ngày 27/05/2025, dự báo từ ngày 05/06÷11/06/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 27 tháng 5 năm 2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 27/05/2025)

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	6,77	0,1	12,8	3,70	20,1	36,4	7,14	0,14	14000	26	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	6,84	0,1	20,4	6,52	6,9	14,2	0,66	0,02	2300	88	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	6,36	0,1	42,1	3,89	6,2	12,3	0,52	0,03	3100	78	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung (LX4)	6,62	0,1	56,8	4,10	14,7	27,7	3,52	0,03	4300	61	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	6,42	0,1	79,4	3,69	12,8	22,5	2,15	0,08	5200	61	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	6,31	0,1	62,7	4,00	10,7	20,4	1,39	0,03	3400	69	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 27/05/2025)

												nước tưới tiêu trồng trọt.
7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	6,17	0,1	90,4	4,62	17,9	34,8	6,27	0,05	3100	61	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	5,74	0,1	74,4	5,44	24,5	42,1	12,40	0,03	9500	29	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	5,62	0,1	92,1	4,97	23,4	40,8	11,52	0,06	18000	17	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Ô nhiễm nặng ”, cần có biện pháp xử lý trước khi sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)	6,79	15,1	34,5	6,12	15,7	26,2	3,21	0,08	2200	74	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	6,6	0,1	59,1	6,15	13,4	24,2	3,26	0,09	5000	70	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	6,2	0,1	61,3	5,11	12,7	22,5	2,95	0,11	3800	70	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	6,76	0,1	21,8	5,63	8,4	15,2	0,91	0,10	2100	81	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 27/05/2025)

14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	6,78	0,1	30,4	5,70	6,5	13,7	0,64	0,13	1700	84	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Tốt ”, sử dụng tốt cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
----	--	------	-----	------	------	------------	------	------	------	------	-----------	--

Nhận xét chung: Qua đợt quan trắc ngày 27/05/2025 cho thấy: Các thông số môi trường nước như pH, TSS, tổng Phosphor tại hầu hết các trạm giám sát trong hệ thống CTTL TGLX đều đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT.

- Chỉ tiêu BOD₅, COD tại hầu hết các trạm tiếp tục không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực tiếp tục có nguy cơ bị ô nhiễm hữu cơ, điều này có thể gây ra sự giảm nồng độ Oxy trong nước, ảnh hưởng đến sự sống của các sinh vật thủy sinh và toàn bộ hệ sinh thái thủy sinh, suy giảm khả năng tự làm sạch của thủy vực.

- Chỉ tiêu tổng Nito_x tại nhiều trạm không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực tiếp tục có nguy cơ bị ô nhiễm dinh dưỡng cao, đặc biệt là khu vực giữa nội đồng và ven biển tây như: **LX4, LX5, LX6, LX7, LX8, LX9, LX10, LX11, LX12**. Thời điểm khảo sát là giai đoạn người dân bón phân nhiều cho lúa đang trong giai đoạn phát triển và làm đồng, kết hợp với hiện tượng mưa lớn đầu mùa đã rửa trôi các chất dinh dưỡng xuống kênh rạch làm gia tăng mức độ ô nhiễm dinh dưỡng tại các khu vực này.

- Các điểm **LX1, LX8** và **LX9** có giá trị WQI giảm mạnh ở mức “**Kém**” và “**Ô nhiễm nặng**” là do tại các điểm này có một số chỉ tiêu không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT như các chỉ tiêu BOD₅, COD, tổng Nito_x và Coliform. Đây là các trạm nằm ở khu vực gần chợ, dân cư tập trung đông đúc, hoạt động giao thông thủy thường xuyên, nguồn nước thải sinh hoạt đổ trực tiếp ra kênh rạch chính là nguyên nhân làm tăng hàm lượng các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trong nước. Tại các trạm ghi nhận hàm lượng Coliform cao, khuyến cáo không nên sử dụng nguồn nước này để tưới các loại rau ăn lá.

Ghi chú:

- Các giá trị in đậm là giá trị không đạt mức cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 05/06÷11/06/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nitơ (TN) từ ngày 05/06÷11/06/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 05/06÷11/06/2025 dao động trong khoảng 0,0÷15,35‰; độ mặn được dự báo ít có sự biến động so với giá trị thực đo ngày 27/05/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 05/06÷11/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,08	0,00	0,06	0,08	0,09	0,05	0,08	0,00	0,09
	LX2	0,08	0,03	0,08	0,06	0,03	0,03	0,08	0,03	0,08
	LX13	0,09	0,02	0,08	0,05	0,01	0,02	0,06	0,01	0,09
	LX14	0,06	0,06	0,09	0,10	0,06	0,09	0,07	0,06	0,10
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,07	0,06	0,05	0,03	0,08	0,01	0,03	0,01	0,08
	LX4	0,03	0,04	0,10	0,05	0,02	0,06	0,01	0,01	0,10
	LX5	0,03	0,09	0,08	0,08	0,08	0,03	0,10	0,03	0,10
	LX6	0,07	0,09	0,10	0,04	0,03	0,09	0,03	0,03	0,10
	LX11	0,10	0,06	0,02	0,00	0,06	0,01	0,06	0,00	0,10
	LX12	0,09	0,06	0,08	0,04	0,03	0,04	0,04	0,03	0,09
Phía ven biên Tây	LX7	0,01	0,05	0,07	0,06	0,03	0,02	0,05	0,01	0,07
	LX8	0,06	0,01	0,03	0,05	0,04	0,02	0,06	0,01	0,06
	LX9	0,04	0,06	0,09	0,09	0,04	0,09	0,01	0,01	0,09
	LX10	14,85	13,52	12,25	11,94	12,66	13,97	15,35	11,94	15,35
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					
Khuyến cáo		Từ ngày 05/06÷11/06/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn được dự báo nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các vuông tôm.								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Nồng độ DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 3,75÷6,14 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng tăng so với giá trị thực đo ngày 27/05/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 05/06÷11/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	4,08	4,07	4,09	4,14	4,19	4,24	4,28	4,07	4,28
	LX2	6,06	6,14	5,98	5,98	5,96	5,99	5,99	5,96	6,14
	LX13	5,99	6,00	6,01	6,02	6,03	6,03	6,03	5,99	6,03
	LX14	5,58	5,57	5,56	5,55	5,54	5,54	5,53	5,53	5,58
Khu vực giữa nội	LX3	3,75	3,79	3,86	3,94	4,02	4,10	4,17	3,75	4,17
	LX4	4,14	4,19	4,33	4,43	4,49	4,52	4,55	4,14	4,55

đồng	LX5	4,32	4,30	4,24	4,21	4,16	4,12	4,11	4,11	4,32
	LX6	4,28	4,25	4,32	4,36	4,40	4,47	4,59	4,25	4,59
	LX11	5,71	5,70	5,70	5,70	5,70	5,70	5,70	5,70	5,71
	LX12	5,66	5,70	5,73	5,74	5,76	5,80	5,85	5,66	5,85
Phía ven biển Tây	LX7	5,02	5,05	5,05	5,02	4,94	4,83	4,69	4,69	5,05
	LX8	5,19	5,27	5,28	5,26	5,23	5,23	5,19	5,19	5,28
	LX9	4,39	4,36	4,33	4,29	4,26	4,26	4,28	4,26	4,39
	LX10	5,76	5,72	5,70	5,69	5,68	5,70	5,73	5,68	5,76
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≥ 6		Đạt mức B: ≥ 5			Không đạt mức B: < 5			
Khuyến cáo		- Từ ngày 05/06÷11/06/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. - Riêng một số điểm LX1, LX3-LX6, LX9 có giá trị DO được dự báo thấp trong nhiều ngày nên người dân cần chú ý có giải pháp tăng oxy hòa tan trong nước nếu sử dụng để nuôi trồng thủy sản.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 6,64÷21,02 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát (9/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 27/05/2025 với biên độ dao động ở mức thấp (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 05/06÷11/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	19,17	20,78	21,02	20,50	19,59	18,62	17,75	17,75	21,02
	LX2	8,78	8,65	8,63	8,72	8,97	9,54	10,25	8,63	10,25
	LX13	9,00	8,99	8,99	9,08	9,10	8,93	9,02	8,93	9,10
	LX14	6,98	6,82	6,64	6,64	6,89	7,09	7,21	6,64	7,21
Khu vực giữa nội đồng	LX3	7,54	7,55	7,55	7,55	7,55	7,56	7,55	7,54	7,56
	LX4	18,94	18,32	16,97	15,85	13,28	13,88	14,48	13,28	18,94
	LX5	11,89	12,03	11,99	11,83	11,65	11,51	11,51	11,51	12,03
	LX6	10,49	10,37	10,24	10,14	10,09	10,06	10,09	10,06	10,49
	LX11	11,80	11,47	12,29	13,46	13,95	13,77	13,36	11,47	13,95
	LX12	12,59	11,97	11,58	11,42	11,47	11,70	12,05	11,42	12,59
Phía ven biển Tây	LX7	15,91	16,04	16,09	16,12	16,20	16,49	16,74	15,91	16,74
	LX8	17,65	17,43	17,84	18,67	19,82	20,40	20,37	17,43	20,40
	LX9	17,55	19,45	20,91	21,01	20,04	18,49	16,97	16,97	21,01
	LX10	13,97	14,84	13,08	13,39	13,66	13,64	13,82	13,08	14,84
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 4		Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6			
Khuyến cáo		- Từ ngày 05/06÷11/06/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị Tổng Nito dự báo trong HTTL TGLX dao động trong khoảng từ

0,52÷12,52 mg/l, giá trị Tổng Nitơ dự báo có xu hướng giảm tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 27/05/2025 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo tổng Nitơ tại các điểm giám sát từ 05/06÷11/06/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	11/06	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	6,81	6,97	7,10	7,20	7,28	7,32	7,33	6,81	7,33
	LX2	0,99	1,07	1,12	1,16	1,16	1,13	1,11	0,99	1,16
	LX13	1,91	1,99	2,01	1,98	1,94	1,92	1,91	1,91	2,01
	LX14	0,72	0,68	0,66	0,64	0,63	0,64	0,67	0,63	0,72
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,55	0,55	0,55	0,55	0,54	0,53	0,52	0,52	0,55
	LX4	2,10	2,10	2,23	2,58	2,86	3,00	2,97	2,10	3,00
	LX5	1,91	1,98	1,91	1,80	1,71	1,59	1,42	1,42	1,98
	LX6	1,08	1,19	1,33	1,44	1,48	1,46	1,40	1,08	1,48
	LX11	3,77	3,92	2,74	2,68	2,40	2,65	3,07	2,40	3,92
	LX12	3,25	3,26	3,27	3,29	3,32	3,36	3,40	3,25	3,40
Phía ven biển Tây	LX7	5,76	5,79	5,80	5,83	5,86	5,88	5,88	5,76	5,88
	LX8	12,52	12,35	12,36	12,47	12,43	12,03	12,21	12,03	12,52
	LX9	11,91	11,89	11,76	9,68	9,52	9,52	9,59	9,52	11,91
	LX10	3,56	3,79	3,94	3,98	3,93	3,81	3,64	3,56	3,98
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 0,6		Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: >1,5			
Khuyến cáo		- Từ ngày 05/06÷11/06/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nitrơ (TN) dự báo tại hầu hết các điểm giám sát không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên người dân cần lưu ý khi sử dụng nguồn nước.								

Khuyến cáo:

Trong tuần từ 05/06÷11/06/2025, chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên được dự báo có xu hướng tốt hơn ở hầu hết các thông số, các giá trị dự báo cho thấy chất lượng nước vẫn có thể phục vụ tốt cho tưới tiêu. Riêng đối với khu vực nội đồng khi nuôi trồng thủy sản cần lưu ý có giải pháp tăng oxy hòa tan (DO) trong nước cho các đối tượng nuôi. Riêng điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp của nuôi tôm nên bà con yên tâm để lấy nước vào các vuông tôm.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CCTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng